

Số: 1673/QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tiến hành Khảo sát mức sống dân cư năm 2018

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1793/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định tiến hành điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 476/QĐ-TCTK ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2018 của Tổng cục Thống kê;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

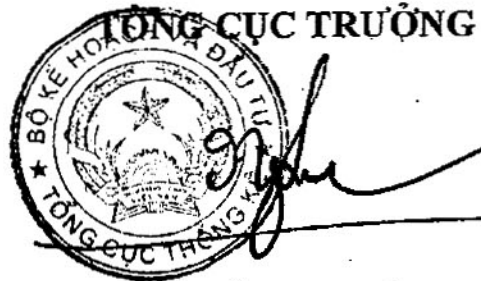
Điều 1. Tiến hành Khảo sát mức sống dân cư năm 2018 ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Phương án ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện khảo sát theo đúng Phương án quy định.

Điều 3. Vụ trưởng các Vụ: Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Vụ Thống kê Giá, Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin, Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê, Vụ Kế hoạch tài chính; Chánh Văn phòng Tổng cục, Giám đốc Trung tâm Tin học Thống kê khu vực I, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thống kê;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TƯ (để phối hợp chi đạo);
- Lưu: VT, Vụ XHMT.



Nguyễn Bích Lâm

PHƯƠNG ÁN

Khảo sát mức sống dân cư năm 2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1632/QĐ-TCTK ngày 14/10/2017
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

1. Mục đích, yêu cầu khảo sát

1.1. Mục đích

Khảo sát mức sống dân cư năm 2018 (viết gọn là KSMS-QSG 2018) là cuộc điều tra chọn mẫu nhằm hai mục đích chính sau: (i) thu thập thông tin để tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia về mức sống hộ dân cư, đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê cho các cấp, các ngành để đánh giá tình trạng nghèo đói và phân hoá giàu nghèo của dân cư theo hướng tiếp cận đa chiều; (ii) thu thập thông tin để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng cho giai đoạn 2019-2024 phục vụ hoạch định chính sách, kế hoạch, chương trình mục tiêu quốc gia, quản lý, điều hành kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

1.2. Yêu cầu

- Kết quả KSMS-QSG 2018 phải đáp ứng yêu cầu biên soạn các chỉ tiêu thống kê trong lĩnh vực mức sống dân cư thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được quy định trong Luật Thống kê; đo lường tỷ lệ nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều; xây dựng quyền số chỉ số giá tiêu dùng cho giai đoạn 2019-2024; bảo đảm mức độ đại diện của số liệu đối với cả nước, khu vực thành thị - nông thôn, 6 vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thực hiện khảo sát phải đúng nội dung quy định trong Phương án.

2. Đối tượng, đơn vị và phạm vi khảo sát

2.1. Đối tượng khảo sát

Đối tượng của KSMS-QSG 2018 là hộ dân cư (viết gọn là hộ), các thành viên hộ và các xã có hộ được khảo sát (viết gọn là xã).

Hộ là một hoặc một nhóm người ăn chung, ở chung trong một chỗ từ 6 tháng trở lên trong 12 tháng qua và có chung quỹ thu chi.

Thành viên hộ: Những người được coi là thành viên của hộ phải thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

(1) Cùng ăn, ở chung trong hộ 6 tháng trở lên trong 12 tháng qua;

(2) Có chung quỹ thu chi, nghĩa là mọi khoản thu nhập của thành viên đều được đóng góp vào ngân sách chung của hộ và mọi khoản chi tiêu của họ đều lấy từ ngân sách đó.

Trong cuộc khảo sát này, có 5 trường hợp ngoại lệ dưới đây được coi là thành viên của hộ, cụ thể:

(1) Người được xác định là chủ hộ ngay cả khi người đó không ăn, ở trong hộ hơn 6 tháng.

Chủ hộ là người có vai trò điều hành, quản lý gia đình, giữ vị trí chủ yếu, quyết định những công việc của hộ. Thông thường (nhưng không nhất thiết) chủ hộ là người có thu nhập cao nhất trong hộ, nắm được tất cả các hoạt động kinh tế và nghề nghiệp của các thành viên khác của hộ. Đa số chủ hộ theo khái niệm trên trùng với chủ hộ theo đăng ký hộ khẩu nhưng có trường hợp chủ hộ trong cuộc khảo sát này khác với chủ hộ theo đăng ký hộ khẩu.

(2) Trẻ em sinh ra chưa đầy 6 tháng.

(3) Những người tuy mới ở trong hộ chưa đủ 6 tháng nhưng tương lai sẽ ở lâu dài trong hộ, kể cả đã có hoặc chưa có giấy chứng nhận (giấy đăng ký kết hôn, giấy chuyển đến, giấy xuất ngũ về với gia đình...). Những người này bao gồm: con dâu về nhà chồng, con rể về nhà vợ, người đi làm việc, học tập, lao động ở nước ngoài hoặc ở các cơ quan xí nghiệp trong nước trở về hộ, người từ lực lượng vũ trang trở về, về nghỉ hưu, nghỉ mất sức,...

(4) Học sinh, sinh viên, những người đi làm việc, đi học ở nơi khác trong nước và những người đi chữa bệnh trong/ngoài nước trên 6 tháng nhưng hộ phải nuôi.

(5) Khách, họ hàng đến chơi đã ở trong hộ 6 tháng trở lên và hộ phải nuôi toàn bộ.

Trong cuộc khảo sát này, có 2 trường hợp ngoại lệ dưới đây không được coi là thành viên của hộ, cụ thể:

(1) Người giúp việc có gia đình riêng sống ở nơi khác, bản thân có quỹ thu chi riêng và đang ở chung nhà, ăn chung với hộ.

(2) Người chuyển khỏi hộ có tính chất lâu dài; người chết trong 12 tháng qua, mặc dù họ đã từng sống trong hộ hơn 6 tháng.

2.2. Đơn vị khảo sát

Đơn vị khảo sát trong cuộc khảo sát này là hộ và xã được chọn khảo sát.

2.3. Phạm vi khảo sát

Cuộc KSMS-QSG 2018 được tiến hành trên 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là tỉnh).

3. Thời điểm, thời kỳ và thời gian khảo sát

3.1. Thời điểm khảo sát

Thời điểm khảo sát thu thập thông tin là ngày điều tra viên thực tế phỏng vấn hộ trong khoảng thời gian khảo sát được quy định tại Mục 3.3 Phương án này.

3.2. Thời kỳ khảo sát

Các chỉ tiêu thời kỳ trong cuộc khảo sát này có thời kỳ khảo sát (tham chiếu) là 30 ngày và 12 tháng trước thời điểm khảo sát.

3.3. Thời gian khảo sát

Cuộc khảo sát được tiến hành trong 4 kỳ vào các tháng 3, 6, 9 và 12 năm 2018. Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn mỗi kỳ là 1 tháng (kể cả thời gian di chuyển).

4. Nội dung khảo sát

4.1. Đối với hộ

Thu thập thông tin phản ánh mức sống của hộ và thông tin để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng, bao gồm:

- Thu nhập của hộ, gồm: thu từ tiền công, tiền lương; hoạt động sản xuất tự làm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; hoạt động ngành nghề sản xuất kinh doanh, dịch vụ phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của hộ; thu khác.

- Chi tiêu của hộ, gồm: chi cho ăn, mặc, ở, đi lại, giáo dục, y tế, văn hoá, ... và chi khác.

- Một số thông tin khác của hộ và các thành viên trong hộ để phân tích nguyên nhân và sự khác biệt của mức sống: những đặc điểm chính về nhân khẩu học (tuổi, giới tính, dân tộc, tình trạng hôn nhân); trình độ học vấn; tình trạng ốm đau, bệnh tật và sử dụng các dịch vụ y tế; việc làm; đồ dùng, điện, nước, điều kiện vệ sinh; tham gia các chương trình trợ giúp.

4.2. Đối với xã

Thu thập thông tin phản ánh điều kiện sống trong phạm vi xã ảnh hưởng đến mức sống của hộ, gồm:

- Một số tình hình chung về nhân khẩu, dân tộc;

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chủ yếu: hiện trạng điện, đường, trường học, trạm y tế, chợ, bưu điện, nguồn nước;

- Tình trạng kinh tế: tình hình sản xuất nông nghiệp (đất đai, xu hướng và nguyên nhân tăng giảm sản lượng các cây trồng chính, các điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất như tưới tiêu, khuyến nông); cơ hội việc làm phi nông nghiệp;

- Một số thông tin cơ bản về trật tự an toàn xã hội, môi trường, tín dụng và tiết kiệm.

5. Phiếu thu thập thông tin và các bảng danh mục sử dụng trong khảo sát

5.1. Các loại phiếu thu thập thông tin

Cuộc khảo sát sử dụng năm loại phiếu sau đây để phỏng vấn hộ, phỏng vấn xã và phúc tra hộ:

- Phiếu số 1A/KSMS_QSG18-HO: Phiếu phỏng vấn hộ (thu nhập và quyền sở chi số giá tiêu dùng);
- Phiếu số 1B/KSMS_QSG18-HO: Phiếu phỏng vấn hộ (thu nhập và chi tiêu);
- Phiếu số 1C/KSMS_QSG18-HO: Phiếu phỏng vấn hộ (quyền sở chi số giá tiêu dùng);
- Phiếu số 2/KSMS_QSG18-XA: Phiếu phỏng vấn xã;
- Phiếu số 3/KSMS_QSG18-PT: Phiếu phúc tra hộ.

Cuộc khảo sát sử dụng bốn loại phiếu dưới đây cho việc tổ chức, kiểm tra, giám sát công tác thu thập thông tin tại địa bàn, bao gồm:

- Phiếu số 4A/KSMS_QSG18-GS: Bảng phân công khối lượng công việc;
- Phiếu số 4B/KSMS_QSG18-GS: Báo cáo công tác kiểm tra giám sát tại địa bàn;
- Phiếu số 4C/KSMS_QSG18-GS: Phiếu kiểm tra bảng câu hỏi;
- Phiếu số 4D/KSMS_QSG18-GS: Phiếu dự phỏng vấn hộ điều tra.

5.2. Các bảng danh mục

- Danh mục các dân tộc Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02 tháng 3 năm 1979 của Tổng cục Thống kê (được in sẵn trong Phiếu số 1A/KSMS_QSG18-HO, Phiếu số 1B/KSMS_QSG18-HO và Phiếu số 1C/KSMS_QSG18-HO).

- Danh mục nghề nghiệp (đến cấp 2) được ban hành tạm thời cho Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009 (được in sẵn trong Phiếu số 1A/KSMS_QSG18-HO và Phiếu số 1B/KSMS_QSG18-HO).

- Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (đến cấp 2) được ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ (được in sẵn trong Phiếu số 1A/KSMS_QSG18-HO và Phiếu số 1B/KSMS_QSG18-HO).

- Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam 2010 được ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 (được in sẵn trong Phiếu số 1A/KSMS_QSG18-HO, Phiếu số 1B/KSMS_QSG18-HO và Phiếu số 1C/KSMS_QSG18-HO).

6. Loại điều tra và phương pháp thu thập thông tin

6.1. Loại điều tra

KSMS-QSG 2018 là cuộc điều tra chọn mẫu, gồm 72.054 hộ (37.596 hộ được thu thập thông tin bằng Phiếu số 1A/KSMS_QSG18-HO, viết gọn là hộ thu nhập và quyền sở chi số giá tiêu dùng, 9.399 hộ được thu thập thông tin bằng Phiếu số 1B/KSMS_QSG18-HO, viết gọn là hộ thu nhập chi tiêu và 25.059 hộ

được thu thập thông tin bằng Phiếu số 1C/KSMS_QSG18-HO, viết gọn là hộ quyền số chỉ số giá tiêu dùng) được chọn từ 4.177 địa bàn của mẫu chủ. Dàn mẫu chủ được chọn từ dàn mẫu 15% của Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009 được cập nhật khi tiến hành khảo sát. Mẫu của KSMS-QSG 2018 gồm 2 mẫu con, cụ thể như sau:

- Mẫu 1: Mẫu dùng cho Khảo sát mức sống dân cư có bổ sung thông tin để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng, bao gồm 46.995 hộ dân cư được chọn từ 3.133 địa bàn của Khảo sát mức sống dân cư dùng cho năm 2018, gồm 2 phần:

+ Phần 1- Mẫu thu nhập và quyền số chỉ số giá tiêu dùng: gồm 37.596 hộ dùng để thu thập các thông tin về mức sống của hộ và thông tin để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng.

+ Phần 2- Mẫu thu nhập - chi tiêu: gồm 9.399 hộ dùng để thu thập đầy đủ các thông tin về mức sống của hộ, không có các thông tin để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng.

- Mẫu 2: Mẫu chỉ để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng, gồm 2 phần:

+ Phần 1- Mẫu được chọn trong các địa bàn của Khảo sát mức sống dân cư dùng cho năm 2018: gồm 9.399 hộ được chọn trong 3.133 địa bàn, mỗi địa bàn chọn 3 hộ ngoài các hộ đã được chọn cho Mẫu 1.

+ Phần 2- Mẫu được chọn mới: gồm 15.660 hộ trong 1.044 địa bàn (mỗi địa bàn chọn 15 hộ) được chọn mới từ mẫu chủ.

Mẫu khảo sát được thiết kế theo 2 bước:

- *Bước 1. Chọn địa bàn khảo sát*

Chọn 4.177 địa bàn khảo sát, cụ thể như sau:

+ Mẫu 1: chọn 3.133 địa bàn, trong đó có 50% địa bàn được chọn lại từ các địa bàn đã được khảo sát trong Khảo sát mức sống dân cư năm 2016 (viết gọn là KSMS 2016) và 50% được chọn mới từ mẫu chủ.

+ Mẫu 2: chọn 1.044 địa bàn mới từ mẫu chủ.

- *Bước 2. Chọn hộ khảo sát*

+ Đối với địa bàn được chọn lại từ KSMS 2016: chọn tất cả 15 hộ đã được khảo sát năm 2016 trong các địa bàn này. Đối với trường hợp hộ trong KSMS 2016 không còn trên địa bàn thì chọn hộ thay thế, như hướng dẫn trong Sổ tay KSMS-QSG 2018.

+ Đối với địa bàn được chọn mới: chọn 20 hộ từ bảng kê danh sách các hộ của địa bàn được chọn (sau khi đã được cập nhật) theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống. Từ 20 hộ được chọn này, chọn 15 hộ chính thức (gồm: 12 hộ thu nhập và quyền số chỉ số giá tiêu dùng và 3 hộ thu nhập chi tiêu) và 5 hộ dự phòng, như hướng dẫn trong Sổ tay KSMS-QSG 2018.

+Đối với địa bàn thuộc Mẫu 2 Phần 1: mỗi địa bàn chọn 3 hộ theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống ngoài các hộ đã được chọn cho Mẫu 1.

+Đối với địa bàn thuộc Mẫu 2 Phần 2: chọn 20 hộ từ bảng kê danh sách các hộ của 1.044 địa bàn được chọn (sau khi đã được cập nhật) theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống. Từ 20 hộ được chọn này, chọn 15 hộ chính thức và 5 hộ dự phòng.

Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường (viết gọn là Vụ XHMT) phối hợp với Vụ Thống kê Giá (viết gọn là Vụ TKG) thực hiện chọn địa bàn khảo sát. Cục Thống kê tỉnh thực hiện chọn hộ theo hướng dẫn.

Địa bàn và mẫu khảo sát được phân bổ cho 4 kỳ để tổ chức thu thập số liệu vào các tháng 3, 6, 9 và 12 năm 2018, cụ thể ở cấp độ toàn quốc như sau:

Thời gian khảo sát	Số địa bàn	Số hộ				
		Tổng số	Mẫu 1		Mẫu 2	
			Phần 1	Phần 2	Phần 1	Phần 2
Tổng số	4.177	72.054	37.596	9.399	9.399	15.660
<i>Chia ra:</i>						
Tháng 3/2018	1.306	24.291	9.408	2.352	4.701	7.830
Tháng 6/2018	783	11.745	9.396	2.349		
Tháng 9/2018	1.305	24.273	9.396	2.349	4.698	7.830
Tháng 12/2018	783	11.745	9.396	2.349		

Vụ XHMT phối hợp với Vụ TKG tiến hành phân bổ và gửi danh sách các địa bàn đã chọn theo từng kỳ khảo sát cụ thể cho các Cục Thống kê tỉnh để rà soát, cập nhật phục vụ việc chọn hộ khảo sát. Danh sách hộ được chọn phải lưu giữ tại Cục Thống kê tỉnh và Vụ XHMT để phục vụ việc tổ chức thực hiện khảo sát, kiểm tra, giám sát và phúc tra.

6.2. Phương pháp thu thập thông tin

Cuộc KSMS-QSG 2018 áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Điều tra viên có trách nhiệm đến gặp trực tiếp chủ hộ và những thành viên trong hộ có liên quan để phỏng vấn và ghi thông tin vào phiếu phỏng vấn hộ. Đội trưởng đội khảo sát phỏng vấn lãnh đạo xã, các cán bộ địa phương có liên quan và ghi thông tin vào phiếu phỏng vấn xã. Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, điều tra viên không được gửi phiếu đề chủ hộ hoặc các thành viên của hộ tự ghi chép hoặc sao chép các thông tin từ các nguồn có sẵn khác vào phiếu phỏng vấn.

7. Phương pháp xử lý thông tin, tổng hợp và biểu đầu ra

7.1. Phương pháp xử lý thông tin

Cục Thống kê tỉnh nhập tin theo phần mềm nhập tin do Trung tâm Tin học Thống kê khu vực I (viết gọn là TTTH 1) cung cấp, truyền dữ liệu về Tổng cục Thống kê để xử lý, tổng hợp.

7.2. Tổng hợp và biểu đầu ra

Vụ XHMT và Vụ TKG thiết kế biểu đầu ra chuyên TTTH 1 tổng hợp từ dữ liệu khảo sát đã được kiểm tra, làm sạch. Các chỉ tiêu đầu ra và phân tổ được thể hiện tại Phụ lục đính kèm.

8. Kế hoạch tiến hành

KSMS-QSG 2018 được thực hiện theo kế hoạch như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Đơn vị phụ trách
1	Soạn thảo và trình duyệt phương án, phiếu khảo sát và tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ	Tháng 5 - 8/2017	Vụ XHMT và Vụ TKG
2	Chọn và phân bổ địa bàn khảo sát	Tháng 11/2017	Vụ XHMT và Vụ TKG
3	Rà soát, cập nhật địa bàn và chọn hộ khảo sát	Tháng 2, 5, 8 và 11/2018	Vụ XHMT, Vụ TKG và Cục Thống kê tỉnh
4	In tài liệu khảo sát và gửi các địa phương	Tháng 2/2018	Nhà xuất bản Thống kê, Vụ XHMT và Vụ TKG
5	Tập huấn nghiệp vụ cho giám sát viên cấp Trung ương và giảng viên của các Cục Thống kê tỉnh	Tháng 1/2018	Vụ XHMT và Vụ TKG
6	Tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên, đội trưởng, giám sát viên cấp tỉnh và thực hiện công tác chuẩn bị cho khảo sát tại địa bàn	Tháng 2/2018	Cục Thống kê tỉnh
7	Thu thập thông tin tại các địa bàn khảo sát	Tháng 3, 6, 9 và 12/2018	Cục Thống kê tỉnh
8	Kiểm tra, giám sát việc khảo sát tại địa bàn	Tháng 3/2018 - 1/2019 theo các kỳ thu thập thông tin tại địa bàn	Vụ XHMT; Vụ TKG; Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê; Vụ Kế hoạch tài chính; TTTH 1; Tạp chí Con số và Sự kiện; Cục Thống kê tỉnh
9	Nghiệm thu phiếu khảo sát	Tháng 4/2018 - 1/2019 theo các kỳ thu thập thông tin tại địa bàn	Chi Cục Thống kê huyện và Cục Thống kê tỉnh
10	Nhập tin và làm sạch dữ liệu	Tháng 4/2018 - 1/2019 theo các kỳ thu thập thông tin tại địa bàn	Cục Thống kê tỉnh

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Đơn vị phụ trách
11	Kiểm tra, nghiệm thu bộ dữ liệu gốc (đủ 4 kỳ thu thập thông tin tại địa bàn)	Tháng 3/2019	Vụ XHMT, Vụ TKG và TTTH 1
12	Tổng hợp kết quả sơ bộ kỳ 1	Tháng 4 - 5/2018	Vụ XHMT, Vụ TKG và Cục Thống kê tỉnh
13	Tổng hợp kết quả sơ bộ 2 kỳ (kỳ 1 và 2)	Tháng 7 - 8/2018	Vụ XHMT, Vụ TKG và Cục Thống kê tỉnh
14	Tổng hợp kết quả sơ bộ 3 kỳ (kỳ 1, 2 và 3)	Tháng 10- 11/2018	Vụ XHMT, Vụ TKG và Cục Thống kê tỉnh
15	Tổng hợp kết quả sơ bộ 4 kỳ	Tháng 2 - 3/2019	Vụ XHMT, Vụ TKG và Cục Thống kê tỉnh
16	Tổng hợp và công bố kết quả sơ bộ	Tháng 3 - 4/2019	Vụ XHMT, Vụ TKG và TTTH 1
17	Tổng hợp và công bố kết quả chính thức	Tháng 5 - 7/2019	Vụ XHMT, Vụ TKG và TTTH 1

9. Tổ chức thực hiện

9.1. Công tác chuẩn bị

a) Chọn, rà soát và cập nhật mẫu khảo sát

Vụ XHMT phối hợp với Vụ TKG thực hiện chọn, phân bổ và gửi danh sách các địa bàn mẫu theo từng kỳ khảo sát cho các Cục Thống kê tỉnh rà soát, cập nhật và chọn hộ mẫu theo hướng dẫn.

b) Tuyển chọn điều tra viên và đội trưởng

Cuộc khảo sát có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống, xã hội, trong đó có các lĩnh vực nhạy cảm nên yêu cầu điều tra viên và đội trưởng phải là người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thống kê, có kinh nghiệm phỏng vấn khai thác thông tin, biết làm công tác quần chúng, có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình và có sức khỏe.

Tại mỗi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có địa bàn khảo sát (viết gọn là huyện) thành lập 1 đội khảo sát gồm 2-3 điều tra viên và 1 đội trưởng. Đội trưởng là lãnh đạo hoặc chuyên viên có kinh nghiệm của Chi cục Thống kê huyện hoặc của Cục Thống kê tỉnh.

Điều tra viên có trách nhiệm trực tiếp đến các hộ được phân công để thu thập những thông tin cần thiết ghi vào phiếu khảo sát.

Đội trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện toàn bộ công việc khảo sát tại những địa bàn được phân công; kiểm tra, nghiệm thu toàn bộ phiếu khảo sát do điều tra viên thực hiện; thu thập thông tin ghi vào phiếu phỏng vấn xã.

c) Tập huấn nghiệp vụ

Tổ chức tập huấn hai cấp:

** Cấp Trung ương*

Tổng cục Thống kê mở 2 lớp tập huấn nghiệp vụ khảo sát:

- Lớp 1: Tập huấn nghiệp vụ Khảo sát mức sống dân cư, thời gian là 3 ngày.

- Lớp 2: Tập huấn nghiệp vụ Quyền số chỉ số giá tiêu dùng, thời gian là 2 ngày.

Thành phần tham gia tập huấn gồm:

- Tổng cục Thống kê: Lãnh đạo và công chức, viên chức của Vụ XHMT; Vụ TKG; Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin; Vụ Kế hoạch tài chính; Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê; TTTT 1 và các đơn vị liên quan khác thuộc Tổng cục Thống kê.

- Cục Thống kê tỉnh: 1 lãnh đạo Cục, 1 lãnh đạo phòng và 1 công chức của Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, 1 lãnh đạo phòng và 1 công chức của Phòng Thống kê Thương mại hoặc Phòng Thống kê Công - Thương.

Giảng viên là lãnh đạo và công chức của Vụ XHMT và Vụ TKG.

Kết thúc lớp tập huấn có bài kiểm tra đánh giá kiến thức của học viên và phương pháp truyền đạt của giảng viên.

** Cấp tỉnh*

Mỗi Cục Thống kê tỉnh mở 2 lớp tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng tham gia khảo sát ở địa phương, gồm giám sát viên, lãnh đạo Chi cục Thống kê huyện có địa bàn khảo sát, đội trưởng và điều tra viên:

- Lớp 1: Tập huấn nghiệp vụ Khảo sát mức sống dân cư, thời gian là 3 ngày.

- Lớp 2: Tập huấn nghiệp vụ Quyền số chỉ số giá tiêu dùng, thời gian là 2 ngày.

Trong thời gian tập huấn, Cục Thống kê tỉnh cần bố trí 1 ngày thực hành tại địa bàn.

Giảng viên là những người đã tham gia tập huấn cấp Trung ương.

Nội dung tập huấn gồm quán triệt Phương án khảo sát, kế hoạch thực hiện tại địa phương, hướng dẫn chọn mẫu hộ, kỹ năng giao tiếp, kỹ thuật phỏng vấn và cách ghi chép thông tin vào các phiếu phỏng vấn hộ và xã.

Trong quá trình tập huấn cần chú ý giới thiệu rõ các khái niệm, phương pháp tính, phương pháp phỏng vấn để thu thập thông tin; kỹ năng ghi chép thông tin vào phiếu; cách kiểm tra logic giữa các câu hỏi và các phần trong phiếu khảo sát; cách kiểm tra đánh giá chất lượng số liệu. Cần kết hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của địa phương để giải thích và hướng dẫn điều tra viên giải quyết các vướng mắc thường gặp trong thực tế. Sau tập huấn có bài kiểm tra đánh giá kết quả nhận thức của học viên, đồng thời đánh giá phương pháp truyền đạt kiến thức của giảng viên. Chỉ những học viên đạt yêu cầu qua tập huấn mới được lựa chọn tham gia quá trình thu thập thông tin tại địa bàn.

Đặc biệt tại các lớp tập huấn ở cấp Trung ương và cấp tỉnh cần dành thời gian thích hợp để thảo luận những điểm cần rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, thực hiện cuộc khảo sát trong các năm trước.

d) Công tác tuyên truyền

Tổng cục Thống kê phát hành Thư gửi hộ tham gia khảo sát và giao điều tra viên chuyên tới hộ để động viên, làm rõ mục đích và ích lợi của cuộc khảo sát nhằm giúp hộ xác định được trách nhiệm và vinh dự, sẵn sàng phối hợp và cung cấp thông tin chính xác cho điều tra viên.

UBND xã, phường, thị trấn có địa bàn khảo sát tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ được chọn tham gia khảo sát bằng các hình thức thích hợp.

e) Tài liệu khảo sát

Tài liệu khảo sát bao gồm phiếu khảo sát và các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ do Tổng cục Thống kê thiết kế, in và phân phối cho Cục Thống kê tỉnh theo kế hoạch.

9.2. Thu thập thông tin

Cục Thống kê tỉnh thực hiện thu thập thông tin tại địa bàn theo 4 kỳ vào các tháng 3, 6, 9 và 12 năm 2018.

Tại mỗi xã, phường, thị trấn có địa bàn khảo sát, đội trưởng báo cáo và thống nhất với UBND xã, phường, thị trấn kế hoạch tổ chức thu thập thông tin tại địa phương. Sau khi thống nhất, đội trưởng và cán bộ thôn, ấp, bản thông báo kế hoạch phỏng vấn đến hộ để chủ hộ và các thành viên có liên quan trong hộ chủ động sắp xếp công việc để có mặt ở nhà tiếp điều tra viên. Kế hoạch phỏng vấn phải được thông báo trước thời điểm điều tra viên đến phỏng vấn khoảng 3-5 ngày.

Đội trưởng lập bảng phân công khối lượng công việc cho từng điều tra viên và báo cáo Cục Thống kê tỉnh để bố trí kế hoạch kiểm tra, giám sát ở địa bàn.

Căn cứ vào kế hoạch do đội trưởng bố trí, điều tra viên phải trực tiếp gặp chủ hộ và thành viên trong hộ để phỏng vấn thu thập thông tin, không được sử dụng bất kì một tài liệu sẵn có nào thay thế cho phỏng vấn trực tiếp.

Điều tra viên phải tuân thủ quy trình phỏng vấn hộ được quy định trong Sổ tay KSMS-QSG 2018.

Quy định từ khâu thu thập thông tin đến khi hoàn thiện phiếu được nghiệm thu, mỗi điều tra viên hoàn thành 1 hộ trong 2,5 ngày đối với phiếu phỏng vấn hộ thu nhập chi tiêu, 2,5 ngày đối với phiếu phỏng vấn hộ thu nhập và quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu đất đai và 1,5 ngày đối với phiếu phỏng vấn hộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu đất đai.

9.3. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra

Tổng cục Thống kê và các Cục Thống kê tỉnh thực hiện việc giám sát, kiểm tra kết hợp thanh tra thường xuyên hoặc đột xuất trong suốt thời gian thu thập, tổng hợp số liệu khảo sát.

Vụ XHMT chủ trì, phối hợp với Vụ TKG xây dựng trình lãnh đạo Tổng cục và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, kiểm tra của Tổng cục đối với KSMS-QSG 2018. Lực lượng giám sát, kiểm tra bao gồm lãnh đạo và công chức, viên chức của Vụ XHMT, Vụ TKG, Vụ Kế hoạch tài chính, TTTH 1 và các đơn vị liên quan khác được phân công. Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê chủ động xây dựng trình lãnh đạo Tổng cục kế hoạch kiểm tra, thanh tra độc lập đối với KSMS-QSG 2018.

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, kiểm tra, thanh tra của Cục Thống kê tỉnh đối với KSMS-QSG 2018 tại địa phương mình. Lực lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra ở địa phương là lãnh đạo, công chức Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Phòng Thống kê Thương mại hoặc Phòng Thống kê Công - Thương, Phòng Thanh tra Cục Thống kê và các phòng liên quan khác được Cục trưởng phân công.

Mục đích của công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra nhằm phát hiện và giải quyết kịp thời, tại chỗ các vấn đề phát sinh trong quá trình khảo sát.

Nội dung giám sát, kiểm tra, thanh tra tập trung vào việc tổ chức và thực hiện các quy trình khảo sát, thực hiện quy định đến phỏng vấn đúng hộ của điều tra viên, số lượng (đủ hộ theo kế hoạch, đủ phiếu, mục và các chỉ tiêu khảo sát) và chất lượng (ghi đúng dòng, cột, mã số, đơn vị tính, tính toán số học; tính logic giữa các cột, dòng, các chỉ tiêu, quan hệ giữa các biểu, tính hợp lý khi đối chiếu một số chỉ tiêu với thực tế địa phương hoặc các tài liệu thống kê liên quan khác), cách hỏi và ghi phiếu của từng điều tra viên, chấp hành các thủ tục hành chính như báo cáo tiến độ theo quy định, điền các mẫu phiếu kiểm soát chất lượng, kiểm tra, giám sát tại địa bàn, công tác nhập tin, làm sạch dữ liệu.

Đội trưởng chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra tất cả các phiếu khảo sát đã hoàn thành của đội về nội dung, phương pháp tính, tính logic, kiểm tra số học, đối chiếu một số chỉ tiêu với thực tế địa phương hoặc các tài liệu thống kê liên quan khác, dự phỏng vấn của điều tra viên để kiểm tra kỹ năng giao tiếp, việc thu thập và ghi thông tin.

Đối với khâu thu thập thông tin tại địa bàn, ở cả cấp Trung ương và địa phương đều phải có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ công tác giám sát, kiểm tra nhằm uốn nắn kịp thời những sai sót của điều tra viên để tránh những lỗi hệ thống.

9.4. Công tác phúc tra

Cục Thống kê tỉnh chọn ngẫu nhiên 10% số hộ đã phỏng vấn để phúc tra nhằm đánh giá chất lượng cuộc khảo sát. Để bảo đảm chất lượng của phúc tra, Cục Thống kê tỉnh cần lựa chọn người có kinh nghiệm, nắm vững nghiệp vụ, có trách nhiệm cao trực tiếp tới hộ được chọn để phúc tra. Có thể sử dụng điều tra viên đã thu thập thông tin tại địa bàn được chọn làm phúc tra viên nhưng không phân công người này phúc tra những hộ do chính họ đã khảo sát để bảo đảm tính khách quan. Phúc tra viên ngoài việc thu thập các thông tin trực tiếp tại hộ còn có thể gặp gỡ cán bộ chủ chốt của xã, phường, thị trấn (Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND) và Trưởng thôn, ấp, bản, cụm dân cư để thu thập một số thông tin

liên quan đến công tác phúc tra. Khi làm việc này, phúc tra viên tuyệt đối không được để lộ những thông tin của hộ khảo sát, ngay cả đối với chính quyền địa phương. Sau phúc tra, Cục Thống kê tỉnh phải báo cáo kết quả theo mẫu quy định về Tổng cục Thống kê (xem hướng dẫn công tác phúc tra trong Sổ tay KSMS-QSG 2018).

9.5. Nghiệm thu kết quả

- Chi cục Thống kê huyện nghiệm thu từng phiếu khảo sát do điều tra viên thực hiện thuộc phạm vi phụ trách.

- Cục Thống kê tỉnh nghiệm thu từng phiếu khảo sát của các huyện thuộc tỉnh có địa bàn khảo sát.

- Vụ XHMT phối hợp với Vụ TKG nghiệm thu kết quả tổng hợp và bộ số liệu gốc của các tỉnh.

9.6. Xử lý, tổng hợp và công bố kết quả

TTTH 1 xây dựng, cung cấp và hướng dẫn Cục Thống kê tỉnh chương trình nhập tin 2 lần, chương trình kiểm tra, chương trình tổng hợp một số chỉ tiêu chủ yếu và tổng hợp chính thức.

Cục Thống kê tỉnh tiến hành nhập tin 2 lần, làm sạch và tổng hợp số liệu của các hộ và xã được khảo sát theo đúng chương trình và hướng dẫn của TTTH 1.

Tất cả các phiếu khảo sát sau khi được giám sát viên của Cục Thống kê tỉnh nghiệm thu đạt yêu cầu mới được đưa vào nhập tin, làm sạch và tổng hợp kết quả.

Việc nhập tin và làm sạch số liệu phải hoàn thành trong vòng 1 tháng sau khi kết thúc việc thu thập số liệu tại địa bàn.

Sau khi kết thúc nhập tin và làm sạch số liệu, Cục Thống kê tỉnh tổng hợp sơ bộ kết quả khảo sát. Lãnh đạo Cục Thống kê tỉnh duyệt và gửi kết quả tổng hợp một số chỉ tiêu chủ yếu về Vụ XHMT và Vụ TKG để thẩm định. Thời hạn gửi kết quả tổng hợp sơ bộ quy định vào ngày 10 các tháng 5, 8, 11 năm 2018 và ngày 10 tháng 2 năm 2019.

Sau khi kết quả tổng hợp sơ bộ được thẩm định, Cục Thống kê tỉnh gửi số liệu gốc đã nhập tin kỳ 1 về Tổng cục Thống kê vào ngày 20/5/2018, kỳ 2 vào ngày 20/8/2018, kỳ 3 vào ngày 20/11/2018 và kỳ 4 vào ngày 20/2/2019.

Vụ XHMT và Vụ TKG phối hợp với TTTH 1 và các Cục Thống kê tỉnh tổng hợp số liệu cả nước và của các tỉnh.

Tổng cục Thống kê công bố kết quả sơ bộ KSMS-QSG 2018 vào tháng 4/2019 và công bố kết quả chính thức vào tháng 7/2019.

9.7. Chuyển giao tài liệu

Điều tra viên và đội khảo sát chuyển giao tài liệu khảo sát cho Chi cục Thống kê huyện trong vòng 5 ngày sau khi kết thúc phỏng vấn.

Chi cục Thống kê huyện chuyển giao tài liệu khảo sát cho Cục Thống kê tỉnh chậm nhất là 10 ngày tính từ ngày kết thúc phỏng vấn tại địa bàn.

Cục Thống kê tỉnh chịu trách nhiệm bảo quản phiếu khảo sát đến khi Tổng cục Thống kê thông báo hủy.

9.8. Chỉ đạo thực hiện

Ngoài những nhiệm vụ đã được phân công ở các nội dung nêu tại các Mục trên trong Phương án này, các cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện những nội dung sau đây:

a) *Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường* chủ trì, phối hợp với Vụ TKG chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về tổ chức chỉ đạo toàn diện KSMS-QSG 2018, thành lập tổ công tác gồm công chức của hai Vụ để giúp công tác tổ chức, chỉ đạo và thực hiện các công việc khảo sát gồm: thiết kế phương án, biểu mẫu, biên soạn sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ, tập huấn nghiệp vụ cho các tỉnh, kiểm tra giám sát quá trình thu thập số liệu tại địa bàn, nghiệm thu, kiểm tra làm sạch, tổng hợp, phân tích và công bố kết quả khảo sát.

Trong quá trình thực hiện, Vụ trưởng Vụ XHMT phối hợp với Vụ trưởng Vụ TKG, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê, Giám đốc TTTH 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan bố trí các công chức, viên chức đi địa phương kiểm tra, giám sát và giải quyết các vướng mắc về nghiệp vụ nhằm bảo đảm cuộc khảo sát được thực hiện đúng phương án quy định.

Vụ XHMT chịu trách nhiệm trực tiếp tổng hợp các chỉ tiêu nêu trong Phụ lục Các chỉ tiêu đầu ra và phân tổ của KSMS-QSG 2018.

b) *Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin* chủ trì, phối hợp với Vụ XHMT, Vụ TKG, Vụ Kế hoạch tài chính và TTTH 1 xây dựng kế hoạch xử lý thông tin của cuộc khảo sát để đưa vào Kế hoạch công nghệ thông tin năm 2018 của Tổng cục Thống kê; cập nhật các bảng danh mục sử dụng cho công tác xử lý và tổng hợp số liệu.

c) *Vụ Kế hoạch tài chính* chủ trì và phối hợp với Vụ XHMT, Vụ TKG, dự trù kinh phí; phân bổ kinh phí; hướng dẫn định mức chi tiêu cho các đơn vị sử dụng kinh phí cuộc khảo sát (Cục Thống kê tỉnh, Văn phòng Tổng cục, TTTH 1 và những đơn vị khác có sử dụng kinh phí); hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp và duyệt báo cáo quyết toán tài chính của các đơn vị.

d) *Nhà xuất bản Thống kê* chịu trách nhiệm phối hợp với Vụ XHMT và Vụ TKG biên soạn, in, phân phối phiếu khảo sát, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ khảo sát và các tài liệu khảo sát khác đến các Cục Thống kê tỉnh.

đ) *Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh* chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về tổ chức, chỉ đạo thực hiện toàn diện cuộc khảo sát trong phạm vi địa phương, gồm: tổ chức lực lượng khảo sát, tập huấn nghiệp vụ, triển khai thực hiện thu thập số liệu tại địa bàn, kiểm tra, giám sát, phúc tra, nghiệm

thu, nhập tin, kiểm tra làm sạch, tổng hợp kết quả khảo sát theo phương án quy định; chịu trách nhiệm về chất lượng thông tin khảo sát và quản lý, sử dụng kinh phí khảo sát thuộc địa phương.

e) *Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện* chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh về triển khai thực hiện khảo sát tại các xã, phường, thị trấn được chọn thuộc phạm vi mình phụ trách.


g) *UBND xã, phường, thị trấn* có địa bàn khảo sát có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đội khảo sát hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện công tác tuyên truyền để quán triệt mục đích khảo sát và động viên các hộ tích cực tham gia cung cấp thông tin theo yêu cầu của cuộc khảo sát. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, địa bàn gặp khó khăn cần giao trách nhiệm cho Trưởng thôn/ấp/bản trực tiếp đến các hộ được chọn để vận động các hộ tích cực tham gia cuộc khảo sát.

Lãnh đạo UBND xã thống nhất với đội trưởng về kế hoạch thu thập thông tin trong Phiếu phỏng vấn xã. Đối với những thông tin liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn khác nhau, lãnh đạo UBND xã tổ chức cuộc họp với những người phụ trách lĩnh vực để quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung và trách nhiệm cung cấp thông tin cho đội khảo sát theo đúng Phương án quy định.

10. Kinh phí

Kinh phí KSMS-QSG 2018 được ngân sách Nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính (về Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia) và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

Các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí được cấp đúng mục đích, đúng chế độ, đúng định mức, tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện báo cáo quyết toán tài chính theo hướng dẫn của Tổng cục Thống kê. /


TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Bích Lâm

PHỤ LỤC. CÁC CHỈ TIÊU ĐẦU RA VÀ PHÂN TỐ CỦA KSMS-QSG 2018

1. Mức sống dân cư

1.1. Các chỉ tiêu đầu ra

a) Các chỉ tiêu đầu ra của hộ:

- Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng và cơ cấu thu nhập;
- Chi tiêu bình quân đầu người 1 tháng và cơ cấu chi tiêu;
- Tỷ lệ hộ nghèo tính theo thu nhập;
- Tỷ lệ nghèo chung tính theo chi tiêu;
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều;
- Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều;
- Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số GINI);
- Chênh lệch thu nhập bình quân đầu người của nhóm hộ có thu nhập cao nhất so với nhóm hộ có thu nhập thấp nhất;
- Nhân khẩu bình quân 1 hộ và cơ cấu nhân khẩu;
- Số lao động bình quân 1 hộ;
- Tỷ lệ phụ thuộc lao động;
- Tình trạng hôn nhân của dân số từ 13 tuổi trở lên;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo bằng cấp cao nhất;
- Tỷ lệ đi học chung và tỷ lệ đi học đúng tuổi;
- Loại trường đang học;
- Tỷ lệ người đi học trong 12 tháng qua được miễn giảm học phí hoặc các khoản đóng góp;
- Chi giáo dục, đào tạo bình quân 1 người đi học trong 12 tháng qua;
- Tỷ trọng chi giáo dục, đào tạo trong chi tiêu cho đời sống của hộ gia đình;
- Tỷ lệ người có khám chữa bệnh trong 12 tháng qua;
- Tỷ lệ lượt người khám chữa bệnh ngoại trú và nội trú;
- Tỷ lệ người khám chữa bệnh nội, ngoại trú có bảo hiểm y tế hoặc sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí;
- Chi tiêu y tế bình quân 1 người có khám chữa bệnh trong 12 tháng;
- Chi tiêu y tế và chăm sóc sức khỏe bình quân 1 nhân khẩu 1 tháng;

- Dân số hoạt động kinh tế trong độ tuổi lao động;
- Dân số từ 15 tuổi trở lên làm công việc chiếm nhiều thời gian nhất trong 12 tháng;
- Số giờ làm việc trung bình 1 người 1 tuần của dân số từ 15 tuổi trở lên làm công việc chiếm nhiều thời gian nhất trong 12 tháng;
- Tỷ lệ hộ có đồ dùng lâu bền;
- Trị giá đồ dùng lâu bền bình quân 1 hộ;
- Một số đồ dùng lâu bền tính trên 100 hộ;
- Tỷ lệ hộ có đồ dùng lâu bền chủ yếu;
- Tỷ lệ hộ có nhà ở;
- Diện tích ở bình quân 1 nhân khẩu;
- Tỷ lệ hộ sử dụng nguồn nước chính cho ăn uống và sinh hoạt;
- Tỷ lệ hộ sử dụng nguồn thấp sáng chính;
- Tỷ lệ hộ có hồ xí;
- Tỷ lệ hộ chia theo cách xử lý rác;
- Tỷ lệ hộ tự đánh giá cuộc sống của gia đình so với 5 năm trước có được cải thiện, như cũ hay giảm sút;
- Hộ nghèo theo bình chọn của địa phương được hưởng lợi từ các dự án/chính sách;
- Tỷ lệ hộ có vay hoặc còn nợ trong 12 tháng qua;
- Trị giá các khoản vay, nợ gốc trung bình của hộ có vay hoặc còn nợ trong 12 tháng qua;
- Tỷ lệ hộ nghèo theo bình chọn của địa phương có vay hoặc còn nợ trong 12 tháng qua;
- Trị giá trung bình các khoản vay của một hộ nghèo theo bình chọn của địa phương trong 12 tháng qua;
- Trị giá trung bình các khoản vay hiện còn phải trả của hộ có vay hoặc còn nợ trong 12 tháng qua;
- Hoạt động ngành nghề SXKD dịch vụ phi nông, lâm nghiệp, thủy sản; chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản của hộ.

Trong đó, Vụ XHMT chịu trách nhiệm trực tiếp tổng hợp các chỉ tiêu sau:

- Tỷ lệ hộ nghèo tính theo thu nhập;
- Tỷ lệ hộ nghèo chung tính theo chỉ tiêu;

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều;
- Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều;
- Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số GINI).

b) Các chỉ tiêu đầu ra của xã:

- Tỷ lệ xã chia theo nguồn thu nhập chủ yếu của dân cư trong xã;
- Cán bộ chủ chốt xã tự đánh giá về mức sống của nhân dân trong xã;
- Tỷ lệ xã có mức sống khá lên so với 5 năm trước;
- Tỷ lệ xã có các loại dự án/chương trình của Chính phủ hoặc các tổ chức khác;
- Cơ hội việc làm phi nông, lâm nghiệp, thủy sản của xã;
- Tỷ lệ xã có năng suất các loại cây trồng tăng/giảm so với 5 năm trước;
- Khoảng cách trung bình từ xã tới các địa điểm bán sản phẩm nông nghiệp của người dân trong xã;
- Cơ cấu các loại đất của xã;
- Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp của xã được tưới tiêu;
- Tỷ lệ đất của xã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Tiền công bình quân 1 ngày 1 lao động nông nghiệp từ 15 tuổi trở lên trong xã;
- Tỷ lệ xã gặp những khó khăn chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp;
- Đường ô tô và đường thủy tới xã và thôn/ấp;
- Tiếp cận các phương tiện giao thông của các thôn/ấp;
- Tiếp cận một số cơ sở hạ tầng của xã và thôn/ấp;
- Tiếp cận nguồn nước ăn uống chủ yếu của dân cư trong xã;
- Tỷ lệ xã có các loại trường;
- Tỷ lệ thôn/ấp có các loại trường/điểm trường nằm trên địa bàn;
- Khoảng cách trung bình từ thôn/ấp không có các loại trường/ điểm trường nằm trên địa bàn tới trường/ điểm trường gần nhất mà đa số trẻ em của thôn/ấp đang học;
- Loại phương tiện chủ yếu học sinh trong thôn/ấp không có trường/ điểm trường tiểu học sử dụng đi đến trường/ điểm trường tiểu học gần nhất;
- Tỷ lệ xã có học sinh cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông bỏ học hoặc không đi học;
- Giáo dục mầm non của xã và thôn/ấp;

- Tỷ lệ xã có những bệnh tật đáng quan tâm;
- Tỷ lệ xã có cơ sở y tế;
- Khoảng cách trung bình từ xã không có cơ sở y tế tới cơ sở y tế gần nhất mà nhân dân trong xã thường đến;
- Tỷ lệ xã chia theo các vấn đề xã hội nổi cộm trên địa bàn của xã;
- Tỷ lệ xã chia theo hình thức tiết kiệm của dân cư;
- Tỷ lệ xã chia theo loại hình vay tiền của dân cư;
- Khoảng cách trung bình từ xã tới các cơ sở cho dân cư trong xã vay tiền.

1.2. Các phân tổ

a) Các phân tổ đối với các chỉ tiêu đầu ra của hộ:

- Thành thị/nông thôn;
- Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- Vùng;
- 5 nhóm thu nhập;
- 5 nhóm chi tiêu;
- Giới tính;
- Nhóm tuổi;
- Dân tộc;
- Trình độ học vấn;
- Quy mô hộ;
- Tình trạng đăng ký hộ khẩu;
- Ngành kinh tế;
- Nguồn thu;
- Khoản chi và nguồn hình thành;
- Cấp học;
- Loại trường học;
- Loại cơ sở y tế;
- Hình thức điều trị;
- Loại nhà;
- Loại nguồn nước;
- Nguồn thắp sáng chính;
- Loại hồ xí.

b) Các phân tổ đối với các chỉ tiêu đầu ra của xã:

- Vùng;
- Tham gia chương trình 135;
- Nhóm dân tộc của dân cư trong xã.

2. Quyền số chỉ số giá tiêu dùng

2.1. Các chỉ tiêu đầu ra

Căn cứ vào số liệu chỉ tiêu của các hộ dân cư, Vụ TKG tính toán các chỉ tiêu sau:

- Quyền số chỉ số giá tiêu dùng theo chiều dọc (tỷ trọng chỉ tiêu từng nhóm hàng so với tổng chỉ tiêu của dân cư);
- Quyền số chỉ số giá tiêu dùng theo chiều ngang (tỷ trọng chỉ tiêu từng nhóm hàng của mỗi tỉnh so với vùng hoặc cả nước).

2.2. Các phân tổ

- Thành thị/nông thôn;
- Vùng;
- Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- 5 nhóm thu nhập;
- 5 nhóm chỉ tiêu.